



**CHÀO MỪNG CÁC EM
ĐẾN VỚI GIỜ HỌC TRỰC TUYẾN NGỮ VĂN**

**ÔN TẬP VĂN BẢN HỌC KỲ 1
NGỮ VĂN 9**

ÔN TẬP VĂN BẢN HỌC KỲ 1

VĂN
BẢN
NHẬT
DỤNG

VĂN
BẢN
TRUNG
ĐẠI

THƠ
HIỆN
ĐẠI VN

TRUYỆN
HIỆN
ĐẠI VN



I. VĂN BẢN NHẬT DỤNG



Tên Văn bản	Tác giả	Nghệ thuật	Ý nghĩa văn bản
1/ Phong cách Hồ Chí Minh	Lê Anh Trà	- Đan xen giữa tự sự và bình luận - Dẫn chứng chọn lọc tiêu biểu, có sức thuyết phục cao - Nghệ thuật đối lập, sử dụng nhiều từ ngữ Hán Việt, thơ cổ.	- Ngợi ca phong cách sống của Bác. - Đặt ra một vấn đề của thời kì hội nhập: Tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, đồng thời phải giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.
2/ Đấu tranh cho một thế giới hòa bình	G.G. Mác-két	Lập luận chặt chẽ, chứng cứ phong phú, xác thực, cụ thể, gây được ấn tượng mạnh đối với người đọc.	Văn bản thể hiện những suy nghĩ nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của Mác-két đối với hòa bình nhân loại.



Tên văn bản

Tác giả

Nghệ thuật

Ý nghĩa văn bản

II. VĂN BẢN TRUNG ĐẠI

**HOÀNG LÊ NHẤT
THỐNG CHÍ (Hồi thứ 14)**
(Đánh Ngọc Hồi, quân
Thanh bị thua trận.
Bỏ Thăng Long, Chiêu
Thống trốn ra ngoài)

**CHUYỆN
NGƯỜI
CON GÁI
NAM
XƯƠNG**

TRUYỆN KIỀU

Chị em
Thúy
Kiều

Kiều ở
lầu
Ngưng
Bích

LỤC VÂN TIÊN

Lục Vân
Tiên cứu
Kiều
Nguyệt
Nga

Bạn nào
còn nhớ?

Thể loại

Tóm tắt

**Nhân
vật**

Tác giả

Nghệ thuật

Ý nghĩa văn bản



II. VĂN BẢN TRUNG ĐẠI

Tên VB	Tác giả	Thể loại	Nghệ thuật	Nội dung
Hoàng Lê nhất thống chí (Hồi thứ 14)	Ngô gia văn phái	Chí	- Kể chuyện xen miêu tả một cách sinh động, cụ thể, gây ấn tượng mạnh - Khắc họa hình tượng Nguyễn Huệ một cách rõ nét qua lời nói, hành động - Kể lại sự kiện cụ thể, chân thực, khách quan, kết hợp yếu tố miêu tả và biện pháp nghệ thuật so sánh, đối lập.	Văn bản ghi lại hiện thực lịch sử hào hùng của dân tộc ta và hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ trong chiến thắng mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789)



Tác giả

Thể loại

Nghệ thuật

Nội dung



HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHỈ (Hồi thứ 14)

Tóm tắt

Quân Thanh kéo vào chiếm thành Thăng Long, tướng Tây Sơn là Ngô Văn Sở lui quân về vùng núi Tam Điệp. Nhận được tin đó, Nguyễn Huệ rất tức giận, định thân chinh cầm quân đi đánh giặc ngay. Nhưng nghe lời khuyên can của các tướng lĩnh, **Ngày 25**, ông lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Quang Trung, tự mình đốc suất đại binh tiến quân ra Bắc để dẹp Thanh. Ngày **29 đến Nghệ An**, vua gặp La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp để hỏi cơ mưu đánh giặc. Dọc đường đi, vua cho kén thêm lính, mở một cuộc duyệt binh lớn, rồi ra lời phủ dụ tướng sĩ. **Ngày 30**, đến Tam Điệp hội ngộ với cánh quân của tướng Sở, và Lân. Tại đây vua mở tiệc khao quân và hẹn đến mùng 7 Tết thắng giặc sẽ mở tiệc ăn mừng ở Thăng Long. **Tối 30** Tết, Quang Trung chia quân làm 5 đạo kéo quân ra Bắc. **Ngày 3 Tết**, đánh chiếm đồn Hà Hồi. **Mờ sáng 5 Tết** đánh đồn Ngọc Hồi, tướng giặc là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết. **Trưa mùng 5 Tết** tiến quân vào Thăng Long. Trước khí thế như vũ bão của nghĩa quân Tây Sơn, tướng nhà Thanh là Tôn Sĩ Nghị vội vã tháo chạy về nước, Vua Lê Chiêu Thống cùng gia quyến chạy trốn theo trong sự nhục nhã kinh hoàng.

Nhân vật vua Quang Trung

- Yêu nước, thương dân, căm thù giặc sâu sắc
- Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén.
- Mạnh mẽ, quyết đoán
- Ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng của một nhà chính trị có tư tưởng chuộng hòa bình...
- Năng lực tiên đoán chính xác của một nhà quân sự đại tài.
- Hình ảnh vua Quang Trung oai phong lẫm liệt, một bậc kỳ tài trong việc

Nhân vật



Tóm tắt



II. VĂN BẢN TRUNG ĐẠI

Tên VB	Tác giả	Thể loại	Nghệ thuật	Nội dung
Chuyện người con gái Nam Xương (Trích “Truyện kì mạn lục”)	Nguyễn Dữ	Truyện truyền kì	- Khai thác vốn văn học dân gian. - Nghệ thuật kể chuyện đầy sáng tạo: + Những nhân vật có tính cách rõ nét, đặc biệt là Vũ Nương. + Cách kể chuyện hấp dẫn, sử dụng yếu tố truyền kì, xây dựng hình ảnh “cái bóng” đầy dụng ý. - Kết thúc tác phẩm bất ngờ, không sáo mòn, hàm ý sâu sắc	- Tác phẩm là bản án đanh thép tố cáo bản chất vô nhân đạo của xã hội phong kiến. - Khẳng định và ngợi ca phẩm chất, tâm hồn cao đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam. - Thái độ cảm thông chân thành của nhà văn.



Tác giả

Thể loại

**Nghệ
thuật**

Nội dung





CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

Tóm tắt

Vũ Thị Thiết là người con gái đẹp người đẹp nét, lấy chàng Trương Sinh con nhà hào phú ít học. Đang sum họp đầm ấm, xảy ra nạn binh đao, Trương Sinh phải đi lính, Vũ Nương ở nhà phụng dưỡng mẹ già, nuôi con nhỏ... Giặc tan, Trương Sinh trở về, nghe lời con trẻ nghi ngờ vợ thất tiết và đuổi vợ đi. Vũ Nương thanh minh không được bèn gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Sau khi Vũ Nương chết, Trương Sinh được con chỉ cái bóng trên tường, chàng tỉnh ngộ, hiểu nỗi oan của vợ. Phan Lang gặp Vũ Nương ở dưới thủy cung, nàng gửi chiếc thoa vàng và lời nhắn Trương Sinh. Trương Sinh lập đàn giải oan ở bến Hoàng Giang, Vũ Nương chỉ hiện về trong chốc lát, rồi biến mất.

Nhân vật

Tóm tắt



Nhân vật Vũ Nương

1/Những phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương

- Đẹp người, đẹp nét.
- Người vợ hiền dịu, chung thủy.
- Người con dâu hiếu thảo.

-> *Hình ảnh tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam thời phong kiến.*

2/ Nỗi oan khuất của Vũ Nương

*Nguyên nhân:

- Đây là cuộc hôn nhân không bình đẳng.
- Tin vào lời nói gây thơ của con trẻ cùng với tính đa nghi hay ghen của Trương Sinh.
- Do xã hội phong kiến với tư tưởng trọng nam khinh nữ

* **Ý nghĩa:** Tố cáo XHPK nam quyền, đồng thời nói lên số phận bi thảm của người phụ nữ trong xã hội cũ.



II. VĂN BẢN TRUNG ĐẠI



Tên VB	Tác giả	Thể loại	Nghệ thuật	Nội dung
Truyện Kiều	Nguyễn Du	Truyện thơ Nôm	- Ngôn ngữ điêu luyện; Thể thơ lục bát đạt đến đỉnh cao rực rỡ. - Bút pháp: Ước lệ tượng trưng; Miêu tả tâm lí nhân vật - Tả cảnh ngụ tình; Tả người, tả cảnh, tả tình đặc sắc, tinh tế	- Giá trị hiện thực: + Bức tranh hiện thực về một xã hội phong kiến bất công, tàn bạo. + Phơi bày nỗi khổ đau của những con người bị áp bức, đặc biệt là người phụ nữ - Giá trị nhân đạo: + Trân trọng, đề cao tài năng, nhân phẩm và những khát vọng của con người. + Thương cảm sâu sắc trước những khổ đau của con người, đặc biệt là người phụ nữ + Tố cáo, lên án những thế lực tàn bạo



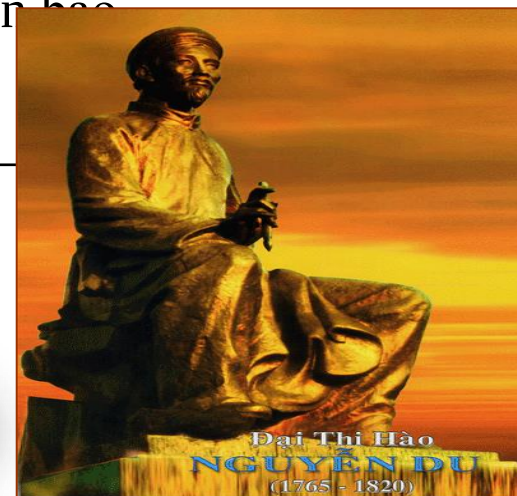
Tác giả

Thể loại

Nghệ thuật

Nội dung

Đoạn
trích



Tên VB	Vị trí	Bố cục	Nghệ thuật	Nội dung
Chị em Thúy Kiều	Phần mở đầu “Gặp gỡ và đính ước” của “TK”	- 4 câu đầu: Giới thiệu khái quát 2 chị em Thúy Kiều - 4 câu tiếp: Gợi tả vẻ đẹp Thuý Vân - 12 câu tiếp: Gợi tả vẻ đẹp của Thuý Kiều - 4 câu cuối: Cuộc sống của 2 chị em	- Sử dụng thành công bút pháp ước lệ tượng trưng cùng nghệ thuật đòn bẩy - Kết hợp các biện pháp tu từ: nhân hóa, so sánh, ẩn dụ... - Ngôn ngữ chính xác, chọn lọc.	- Đoạn trích đã khắc họa rõ nét chân dung tuyệt mỹ của chị em Thúy Kiều, ca ngợi vẻ đẹp và tài năng của họ - Dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh của Thúy Kiều, là biểu hiện cho cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du.
Kiều ở lầu Ngưng Bích	Phần 2 “Gia biến và lưu lạc” của “TK”	- 6 câu đầu: Tình cảnh của Thúy Kiều ở lầu NB - 8 câu tiếp: Nỗi nhớ của Thúy Kiều - 8 câu cuối: Bức tranh tâm trạng của Thúy Kiều.	- Miêu tả nội tâm nhân vật thành công bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình và ngôn ngữ độc thoại - Sử dụng khéo léo thành ngữ, điển cố, điệp ngữ, từ láy, từ tượng thanh...	- Khắc họa cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi của nàng Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích - Ca ngợi tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của nàng Kiều.



Vị trí

Bố cục

Nghệ thuật

Nội dung



II. VĂN BẢN TRUNG ĐẠI



Tên VB	Tác giả	Thể loại	Nghệ thuật	Nội dung
Lục Vân Tiên	Nguyễn Đình Chiểu	Truyện thơ Nôm	- Sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, gần với lời ăn tiếng nói của nhân dân Nam Bộ. - Kết cấu gần với cổ tích, tạo kết thúc có hậu.	Truyện được viết nhằm mục đích truyền dạy đạo lí làm người.
Tên VB	Nhân vật		Nghệ thuật	Nội dung
Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga	- LVT: dũng cảm, không sợ hiểm nguy; giữ trọn lễ giáo; chính trực trọng nghĩa khinh tài - KNN: Cô gái khuê các, nét na, thủy mì, có học thức biết trọng tình nghĩa.		- Nhân vật được bộc lộ qua hành động, cử chỉ, lời nói - Ngôn ngữ thơ đa dạng phù hợp với diễn biến câu chuyện, mộc mạc, bình dị mang màu sắc Nam bộ	- Đoạn trích ca ngợi phẩm chất cao đẹp của hai nhân vật - Khát vọng hành đạo giúp đời của tác giả



Tác
giả

Thể
loại

Nghệ
thuật

Nội
dung

Nhân
vật



III. THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Tên văn bản	Năm sáng tác	Nghệ thuật	Nội dung
Đồng chí (Chính Hữu)	1948	- Thể thơ tự do - Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm.	-Bài thơ nói về tình đồng chí, đồng đội thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ và lí tưởng chiến đấu. Tình đồng chí góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh và phẩm chất của những người lính cách mạng. Qua đó hiện lên hình tượng chân thực, giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.



Tác phẩm

Tác giả

Đọc thơ

Năm sáng tác

Nghệ thuật

Nội dung



III. THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Tên văn bản	Năm sáng tác	Nghệ thuật	Nội dung
Bài thơ về tiểu đội xe không kính (Phạm Tiến Duật)	1969	Nghệ thuật đậm chất hiện thực, giọng điệu ngang tàng, tinh nghịch, hình ảnh thơ độc đáo, ngôn ngữ giàu tính khẩu ngữ	Bài thơ khắc họa nét độc đáo của hình tượng những chiếc xe không kính qua đó làm nổi bật hình ảnh những người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mĩ diễn ra ác liệt, họ ung dung hiên ngang, dũng cảm lạc quan có tinh thần đồng chí, đồng đội và một ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam.



Tác phẩm

Tác giả

Đọc thơ

Năm sáng tác

Nghệ thuật

Nội dung



III. THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Tên văn bản	Năm sáng tác	Nghệ thuật	Nội dung
Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận)	1958	- Bút pháp lãng mạn, đối lập, so sánh, nhân hóa, phóng đại... - Sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu, gợi liên tưởng. - Giọng thơ khỏe khoắn	Bài thơ là một khúc tráng ca khỏe khoắn, hào hùng ngợi ca vẻ đẹp tráng lệ, kì vĩ thân thuộc của thiên nhiên và vẻ đẹp của người lao động mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ đó, nhà thơ bộc lộ niềm vui, niềm tự hào, tin tưởng trước đất nước, con người và cuộc sống mới.



Tác phẩm

Tác giả

Đọc thơ

Năm sáng tác

Nghệ thuật

Nội dung



III. THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Tên văn bản	Năm sáng tác	Nghệ thuật	Nội dung
Bếp lửa (Bằng Việt)	1963	- Xây dựng hình ảnh thơ vừa cụ thể, gần gũi, vừa gợi nhiều liên tưởng, mang ý nghĩa biểu tượng. - Viết theo thể thơ 8 chữ phù hợp với giọng điệu cảm xúc hồi tưởng và suy ngẫm. - Kết hợp nhuần nhuyễn giữa miêu tả, tự sự, nghị luận và biểu cảm.	Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.



Tác phẩm

Tác giả

Đọc thơ

Năm sáng tác

Nghệ thuật

Nội dung



Ai nhanh hơn?

Suy nghĩ và trả lời trong 10 giây



BÀI TẬP NHANH



Câu hỏi 1: Chọn tác giả - tác phẩm tương ứng

1. Đồng chí

2. Bài thơ về tiểu
đội xe không kính

3. Đoàn thuyền
đánh cá

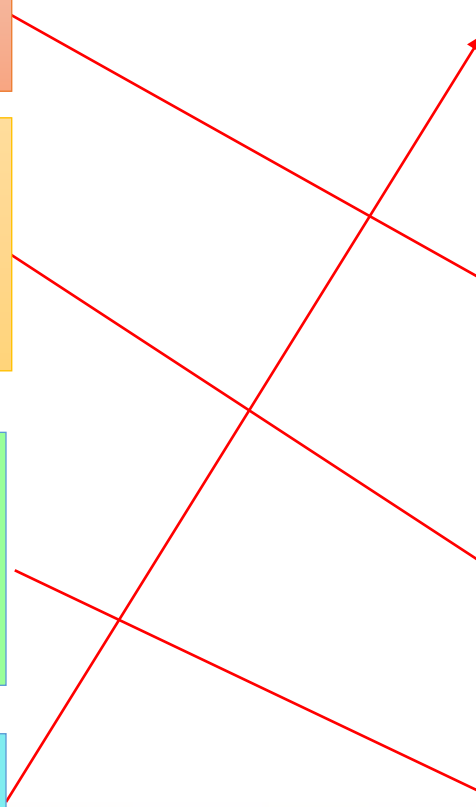
4. Bếp lửa

a. Bằng Việt

b. Chính Hữu

c. Phạm Tiến Duật

d. Huy Cận



Câu hỏi 2: Bài thơ nào sau đây không nói về hình ảnh người lính và tình đồng đội?

A. Bài thơ về tiểu đội xe không kính

B Đoàn thuyền đánh cá

C. Ánh trăng

D. Đồng chí

Câu hỏi 3: Bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” ra đời vào thời gian nào?

A. Giai đoạn kháng chiến chống Pháp (1946- 1954)

B. Giai đoạn sau kháng chiến chống Pháp (1954- 1965)

C Giai đoạn kháng chiến chống Mỹ (1965- 1975)

D. Giai đoạn từ 1975 đến 1985

Câu hỏi 4: Đặc sắc nghệ thuật của bài thơ “Đồng chí” của nhà thơ Chính Hữu là gì?

- A** Hình ảnh giản dị, chân thực, ngôn ngữ giàu sức biểu cảm
- B. Chất liệu hiện thực sinh động, giọng khỏe khoắn, tươi vui
- C. Hình ảnh thân thuộc có tính biểu tượng
- D. giọng điệu trang trọng, tha thiết, thành kính, nhiều hình ảnh ẩn dụ

Câu hỏi 5: Chính Hữu khai thác đề tài người lính ở khía cạnh nào là chủ yếu?

- A. Cảm hứng về một hiện thực vô cùng khắc nghiệt của chiến tranh cứu nước.
- B. Cảm hứng lãng mạn anh hùng với những hình ảnh ước lệ mang dáng dấp tráng sĩ.
- C. Vẻ đẹp của những miền quê đã gắn bó với những người lính trong chiến đấu.
- D** Vẻ đẹp và chất thơ trong những sự việc và con người giản dị, bình thường.

Câu hỏi 6: Nội dung chính của các câu thơ sau là gì?

*Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*

- A. Miêu tả các vùng đất khác nhau của đất nước ta
- B. Nói lên sự khắc nghiệt của thiên nhiên ta
- C. Nói lên sự đối lập giữa các vùng miền của đất nước ta
- D** Nói lên hoàn cảnh xuất thân của những người lính

Câu hỏi 7: Cảm hứng chủ đạo của bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” là:

- A. Cảm hứng về lao động và chiến tranh.
- B.** Cảm hứng về lao động và thiên nhiên.
- C. Cảm hứng về tình yêu thiên nhiên và chiến tranh.
- D. Cảm hứng về con người và chiến tranh

Câu hỏi 8: Trong dòng hồi tưởng của nhân vật trữ tình (bài thơ “Bếp lửa”), hình ảnh người bà gắn với hình ảnh nào?

- A. Người cháu
- B. Bếp lửa**
- C. Tiếng chim tu hú
- D. Cuộc chiến tranh

Câu hỏi 9: Trong bài thơ “Bếp lửa”, tuổi thơ người cháu bên bà được tái hiện như thế nào?

- A. Một tuổi thơ nhiều niềm vui sướng, hạnh phúc
- B. Một tuổi thơ trong chiến tranh biến động dữ dội
- C. Một tuổi thơ nhiều gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn nhưng ấm áp tình yêu thương của bà**
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu hỏi 10: Nhận định nói đúng nhất ý nghĩa hình ảnh bếp lửa và ngọn lửa nhóm lên đối với người cháu khi đã trưởng thành, khôn lớn và đi xa?

- A. Là một kỉ niệm làm ấm lòng người cháu khi giá rét
- B. Tạo thành niềm tin thiêng liêng và kì diệu
- C. Là chỗ dựa tinh thần vững chắc để vượt qua mọi khó khăn
- D** Cả A, B, C đều đúng



IV. TRUYỆN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

1/ Làng

1/ Tác giả: Kim Lân

2/ Năm sáng tác: 1948

3/ Nội dung chính: Qua tâm trạng đau xót, tủi hổ của ông Hai ở nơi tản cư khi nghe tin đồn làng mình theo giặc, truyện thể hiện tình yêu làng quê sâu sắc thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến của người nông dân.

4/ Tóm tắt: Ông Hai là người một người nông dân yêu làng Chợ Dầu tha thiết. Do yêu cầu của ủy ban kháng chiến, ông Hai phải cùng gia đình đi tản cư. Trong những ngày xa quê, ông luôn nhớ về làng Chợ Dầu và muốn trở về. Một hôm, ông nghe tin làng Chợ Dầu của ông làm Việt gian theo Tây. Ông Hai vừa căm uất vừa tủi hổ, chỉ biết tâm sự cùng đứa con thơ. Khi cùng đường, ông Hai nhất định không quay về làng vì theo ông “*Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù.*” Sau đó, ông được nghe tin cải chính rằng làng chợ Dầu vẫn kiên cường đánh Pháp. Ông hồ hởi khoe với mọi người tin này dù nhà ông bị Tây đốt cháy.

1/ Tác giả

2/ Năm sáng tác

3/ Nội dung chính

4/ Tóm tắt

Bức tranh gợi
em nhớ đến
truyện ngắn
nào đã học?





IV. TRUYỆN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

2/ Chiếc lược ngà

1/ Tác giả

2/ Năm sáng tác

3/ Nội dung chính

4/ Tóm tắt

1/ Tác giả: Nguyễn Quang Sáng

2/ Năm sáng tác: 1966

3/ Nội dung chính: Câu chuyện éo le và cảm động về hai cha con: ông Sáu và bé Thu trong lần ông về thăm nhà và ở khu căn cứ. Qua đó, truyện ca ngợi tình cha con thắm thiết trong hoàn cảnh chiến tranh.

4/ Tóm tắt: Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến. Mãi đến khi con gái lên tám tuổi ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu – con ông – không nhận ra cha vì vết sẹo trên mặt làm ông không giống với người cha trong bức ảnh mà em biết. Em đối xử với ba như với người xa lạ. Cho đến lúc em nhận ra cha, tình cha con trời dẫy mảnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải ra đi. Ở khu căn cứ, người cha ấy đã dồn hết tình cảm yêu thương và nỗi nhớ mong con vào làm một chiếc lược bằng ngà voi để tặng cô con gái bé bỏng. Trong một trận càn, ông đã hy sinh. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược ngà nhờ người bạn gửi về cho con gái của mình.

Bức tranh gợi
em nhớ đến
truyện ngắn
nào đã học?





IV. TRUYỆN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

3/ Lặng lẽ SaPa

1/ Tác giả

2/ Năm sáng tác

3/ Nội dung chính

4/ Tóm tắt

1/ Tác giả: Nguyễn Thành Long

2/ Năm sáng tác: 1970

3/ Nội dung chính: Cuộc gặp gỡ tình cờ của ông họa sĩ, cô kĩ sư mới ra trường với người thanh niên làm việc một mình tại trạm khí tượng trên núi cao Sa Pa. Qua đó, truyện ca ngợi những người lao động thầm lặng, có cách sống đẹp, cống hiến sức mình cho đất nước.

4/ Tóm tắt: Trên chuyến xe khách từ Hà Nội lên Lai Châu qua Sa Pa, ông họa sĩ già, bác lái xe, cô kĩ sư trẻ tình cờ quen nhau. Bác lái xe giới thiệu cho ông họa sĩ và cô kĩ sư làm quen với anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn. Trong cuộc gặp gỡ ba mươi phút, anh thanh niên tặng hoa cho cô gái, pha trà và trò chuyện với mọi người về cuộc sống và công việc của anh. Ông họa sĩ muốn được vẽ chân dung anh. Anh thanh niên từ chối và giới thiệu với ông những người khác mà anh cho là xứng đáng hơn anh. Những con người tình cờ gặp nhau bỗng trở nên thân thiết. Khi chia tay, ông họa sĩ hứa sẽ quay trở lại, cô kĩ sư thấy xúc động và yên tâm hơn với quyết định của mình, còn anh thanh niên tặng mọi người một làn trứng.

Bức tranh gợi
em nhớ đến
truyện ngắn
nào đã học?





Đặc điểm nhân vật

Tình yêu làng thật đặc biệt; đặt tình yêu làng trong tình yêu nước và tinh thần kháng chiến.

- Yêu nghề, tinh thần trách nhiệm với công việc
- Biết tạo ra một cuộc sống nền nếp, văn minh và thơ mộng
- Chân thành, cởi mở và hiếu khách
- Khiêm tốn, thành thật

Tính cách cứng cỏi, bướng bỉnh nhưng tình cảm sâu sắc, thấm thiết với người cha.

Tình cha con sâu nặng, tha thiết trong hoàn cảnh éo le và xa cách của chiến tranh

Hãy nêu
những đặc
điểm nổi bật
của từng nhân
vật?



Ông Hai

**Anh
thanh niên**

Bé Thu

Ông Sáu



Nghệ thuật

Hãy nhắc lại
những nét
nghệ thuật đặc
sắc của các
tác phẩm?

1/ Làng

- Xây dựng tình huống truyện đặc sắc.
- Miêu tả tâm lý
- Ngôn ngữ người kể chuyện linh hoạt; giàu tính khẩu ngữ.
- Cách trần thuật tự nhiên

2/ Lặng lẽ SaPa

- Tình huống truyện hợp lý.
- Cách kể chuyện tự nhiên kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận.
- Truyện toát lên chất thơ trong sáng từ phong cảnh thiên nhiên Sa Pa thơ mộng đến hình ảnh những con người nơi đây.

3/ Chiếc lược ngà

- Tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lý.
- Miêu tả tâm lý và xây dựng tính cách nhân vật tinh tế; ngôi kể phù hợp
- Ngôn ngữ dân dã, mang đậm màu sắc Nam Bộ





Ai nhanh hơn?

Suy nghĩ và trả lời trong 10 giây

Câu hỏi 1: Hoàn cảnh sáng tác truyện ngắn “Làng” của Kim Lân ?

- A. Viết trong thời kỳ cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp
- B. Viết trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ
- C. Viết trong thời kỳ giữa của cuộc kháng chiến chống Pháp
- D** Viết trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp

Câu hỏi 2: Dòng nào nêu nhận xét không phù hợp với những nét đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn “Làng”?

- A. Xây dựng tình huống tâm lí đặc sắc
- B** Giọng văn đanh thép, lập luận xác đáng
- C. Sử dụng ngôn ngữ màu sắc địa phương
- D. Miêu tả sinh động diễn biến tâm trạng, nhân vật

Câu hỏi 3: Tác giả đặt nhân vật chính (trong truyện ngắn “Làng”) vào tình huống như thế nào?

- A** Tin làng ông Hai theo giấc mà tình cờ ông nghe được từ những người tản cư
- B. Ông Hai không biết chữ, phải đi nghe nhờ người khác đọc tin tức
- C. Bà chủ nhà hay dòm ngó, nói bóng gió vợ chồng ông Hai
- D. Ông Hai lúc nào cũng nhớ tha thiết cái làng chợ Dầu của mình

Câu hỏi 4: Trong tác phẩm “Lặng lẽ Sa Pa”, nhà văn không đặt tên cụ thể cho nhân vật là vì

- A. Cuộc gặp của các nhân vật trong truyện quá bất ngờ nên không cần xưng tên
- B. Nhà văn muốn nói họ chẳng là ai nhưng lại là tất cả.
- C** Họ là những con người vô danh, sống đẹp có mặt ở khắp nơi.
- D. Cần tìm một hướng lí giải khác.

Câu hỏi 5: Trong tác phẩm “Lặng lẽ SaPa”, anh thanh niên chủ yếu được tác giả miêu tả bằng cách nào?

A. Tự giới thiệu về mình

B. Được tác giả miêu tả trực tiếp

C Hiện ra qua sự nhìn nhận, đánh giá của các nhân vật khác

D. Được giới thiệu qua lời kể của ông họa sĩ già

Câu hỏi 6: Thử thách lớn nhất đối với anh thanh niên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” là gì?

A. Thời tiết khắc nghiệt

B. Công việc vất vả, nặng nhọc

C. Cuộc sống thiếu thốn

D Sự cô đơn, vắng vẻ

Câu hỏi 7: Cốt truyện của truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” là gì?

- A** Cuộc gặp gỡ đầy bất ngờ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư với anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn
- B. Cuộc nói chuyện thú vị giữa người lái xe lên Sa Pa với cô kĩ sư và ông họa sĩ già
- C. Anh thanh niên làm công tác trên đỉnh Yên Sơn tự kể về cuộc đời mình
- D. Cuộc gặp gỡ giữa những người đang sống và làm việc trên đỉnh Yên Sơn nhưng trước đó chưa biết về nhau

Câu hỏi 8: Vì sao tác giả lại đặt tên cho tác phẩm là “Chiếc lược ngà”?

- A. Vì ngà voi rất quý lại gắn với tình yêu con của ông Sáu.
- B** Chiếc lược ngà là kỷ vật của tình cha con thiêng thiêng sâu sắc.
- C. Vì ông Sáu mất nhiều công sức mà chưa trao kịp cho con.
- D. Vì bé Thu dặn cha mua cho một cây lược.

Câu hỏi 9: Dòng nào nói đúng tình huống bộc lộ sâu sắc tình cảm của ông Sáu dành cho đứa con yêu dấu là bé Thu (truyện ngắn “Chiếc lược ngà”)?

A. Hai cha con ông Sáu gặp nhau sau 8 năm xa cách nhưng bé Thu lại không chịu nhận cha.

B. Bé Thu nhận cha, yêu cha nhưng người cha lại phải lên đường đi chiến đấu.

C Hai cha con ông Sáu gặp nhau sau 8 năm xa cách nhưng bé Thu lại không chịu nhận cha. Đến khi bé Thu nhận cha, thì người cha lại phải lên đường đi chiến đấu.

D. Ông Sáu dồn tất cả tình thương nhớ con vào việc làm cây lược ngà nhưng ông đã hy sinh khi chưa kịp trao món quà cho con

Câu hỏi 10: Câu văn “Xuồng vào bến, thấy một đứa bé độ tám tuổi cắt tóc ngang vai, mặc quần đen, áo bông đỏ đang chơi nhà chòi dưới bóng cây xoài trước sân nhà, đoán biết là con, không thể chờ xuồng cập lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra, khiến tôi bị chới với” nói lên tâm trạng gì của ông Sáu?

- A. Yêu thương, mong nhớ con đến da diết
- B** Vội vàng, cuống quýt muốn được gặp con
- C. Ân hận vì đã xa nhà quá lâu, không chăm sóc cho vợ con
- D. Nỗi nhớ người vợ sau bao năm xa cách của ông Sáu

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1/ Ôn lại bài, học bài

2/ Ôn bài chuẩn bị thi học kỳ 1

